

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH GIAO TIẾP 2**

**Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Việt Nam học**

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Việt Nam học

- Tên học phần:** Tiếng Anh giao tiếp 2
- Mã học phần:** TANH 022
- Số tín chỉ:** 04 (4,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 1
- Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 60 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 120 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh giao tiếp 1.
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Đọc và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc tiếng Anh trình độ sơ trung (pre-intermediate): Thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...	3	[2.1.1b]
MT1.2	Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc trên diễn tả các chủ điểm: Gia đình, cuộc sống xã hội, các sự kiện trong cuộc sống, mô tả đặc điểm của một người, một địa điểm, phong cách sống và nghề nghiệp của một người nào đó. Đưa ra lời khuyên về các món ăn, mô tả được các quy tắc xã hội, các quy luật và hành vi. Liệt kê các môn thể thao, các ngày lễ trong năm, thế giới tự nhiên, các chương trình giải trí...	3	[2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại được về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Gia đình, cuộc sống xã hội, các sự kiện trong cuộc sống, mô tả đặc điểm của một người, một địa điểm, phong cách sống và nghề nghiệp của một người nào đó. Đưa ra lời khuyên về các món ăn, mô tả được các quy tắc xã hội, các quy luật và hành vi. Liệt kê	4	[2.2.2]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	các môn thể thao, các ngày lễ trong năm, thế giới tự nhiên, các chương trình giải trí...		
MT2.2	Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn về các cặp đôi nổi tiếng, internet, blog, và các tạp chí, sức khỏe, trái đất kì thú, các sự thật đáng kinh ngạc thế giới...	4	[2.2.2]
MT2.3	Viết được các đoạn văn 100-120 từ về các chủ điểm: Miêu tả bản thân và gia đình, các sự kiện đã diễn ra trong quá khứ, email và thư mời, thư phản nản...	4	[2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Có khả năng hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản: Trình độ sơ trung (pre-intermediate): Thi	3	[1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...		
CDR1.2	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm: Gia đình, cuộc sống xã hội, các sự kiện trong cuộc sống, mô tả đặc điểm của một người, một địa điểm, phong cách sống và nghề nghiệp của một người nào đó. Đưa ra lời khuyên về các món ăn, mô tả được các quy tắc xã hội, các quy luật và hành vi. Liệt kê các môn thể thao, các ngày lễ trong năm, thế giới tự nhiên, các chương trình giải trí...	3	[1.3]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Có khả năng giới thiệu bản thân và gia đình, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như sở thích nghề nghiệp... Mô tả được phong cách thời trang của một người, môn thể thao yêu thích, đưa ra lời khuyên sức khỏe...	4	[2.8]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	4	[2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Unit 1: Your life 1.1. Reading and listening: Time Twin 1.2. Grammar focus: The							

	<p>present simple and continuous</p> <p>1.3. Vocabulary and reading</p> <p>1.4. Grammar focus: Question and question words</p> <p>1.5. Reading and vocabulary</p> <p>1.6. Vocabulary and speaking: Family and relationship</p> <p>1.7. Realtime</p>	X	X	X	X	X	X	X
2	<p>Unit 2: The greats</p> <p>2.1. Reading and vocabulary: Icon</p> <p>2.2. Grammar focus: Past simple</p> <p>2.3. Vocabulary and writing: Famous pair</p> <p>2.4. Grammar focus: Past simple and past continuous</p> <p>2.5. Reading and listening</p> <p>2.6. Vocabulary and speaking: Personal characteristics</p> <p>2.7. Active study 1</p>	X	X	X	X	X	X	X
3	<p>Unit 3: Your style</p> <p>3.1. Reading and vocabulary: Describing a place.</p> <p>3.2. Grammar focus: Comparative and superlative</p> <p>3.3. Listening and speaking: My favourite place</p> <p>3.4. Vocabulary and speaking: Describing personal style</p> <p>3.5. Grammar focus: Too and enough</p> <p>3.6. Vocabulary and speaking: Money spending</p> <p>3.7. Reading and vocabulary</p> <p>3.8. Realtime</p>	X	X	X	X	X	X	X
4	<p>Unit 4: The goal</p> <p>4.1. Listening and vocabulary: Education</p> <p>4.2. Grammar focus: Wishes and intentions</p>	X	X	X	X	X	X	X

	<p>4.3.Vocabulary and listening: Getting a job</p> <p>4.4.Grammar focus: Gerund and infinitives</p> <p>4.5.Vocabulary and speaking: Describing a job</p> <p>4.6.Reading and vocabulary:</p> <p>4.7.Active study 2</p>							
5	<p>Unit 5: Stay well</p> <p>5.1.Vocabulary and listening: Healthy lifestyle.</p> <p>5.2.Grammar focus: Should/ shouldn't/ must/ musn't.</p> <p>5.3.Vocabulary and speaking: Food and drink</p> <p>5.4.Grammar focus: A/ an/ the</p> <p>5.5.Reading and speaking</p> <p>5.6. Real time</p>	X	X	X	X	X	X	X
6	<p>Unit 6: The rules</p> <p>6.1.Reading and listening</p> <p>6.2.Grammar focus: Obligation and permission in the present</p> <p>6.3.Listening and speaking</p> <p>6.4.Grammar focus: Obligation and permission in the past</p>	X	X	X	X	X	X	X
	<p>Unit 7: Time out</p> <p>7.1.Vocabulary and reading: Holiday</p> <p>7.2.Grammar focus: Future arrangement</p> <p>7.3.Listening and vocabulary: Flying</p> <p>7.4.Grammar focus: May.might, will</p>	X	X	X	X	X	X	X
	<p>Unit 8: Out there</p> <p>8.1.Vocabulary and listening</p> <p>8.2.Grammar focus: Present perfect</p> <p>8.3.Vocabulary and writing</p>	X	X	X	X	X	X	X

	8.4. Reading and vocabulary 8.5. Active study							
	Unit 9: Cool tech 9.1. Vocabulary and listening 9.2. Grammar focus: Relative clause 9.3. Listening and speaking 9.4. Grammar focus: First conditional 9.5. Listening and speaking 9.6. Reading and vocabulary 9.7. Realtime	X	X	X	X	X	X	X
	Unit 10: Out there 10.1. Vocabulary and speaking: Natural world 10.2. Grammar focus: Used to 10.3. Listening and speaking: Climate refugees 10.4. Reading and vocabulary 10.5. Active study5	X	X	X	X	X	X	X
	Unit 11: Must see 11.1. Listening and vocabulary: Making film 11.2. Grammar focus: Passive voice 11.3. Reading and writing 11.4. Realtime	X	X	X	X	X	X	X
	Unit 12: Stay safe 12.1. Vocabulary and speaking: Serious crime 12.2. Grammar focus: Conditional sentence: 2 nd conditional 12.3. Vocabulary and listening 12.4. Grammar focus: reported speech 12.5. Listening and reading 12.6. Active study 6	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. **Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	- Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần - Hoàn thành các bài tập được giao	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Hình thức kiểm tra: Vấn đáp Thời gian: 10 phút/1 sinh viên	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 câu hỏi: Giới thiệu bản thân và bốc thăm 1/10 chủ đề nói cho trước.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng Quản lý chất lượng chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 2 phần chính: Nghe và đọc hiểu.

- Nghe: có 3 nội dung:
 - + Nghe chọn đáp án cho câu hỏi
 - + Nghe 1 đoạn hội thoại và ghép câu hỏi và câu trả lời
 - + Nghe 1 bài thuyết trình và chọn đáp án cho các câu hỏi
- Đọc hiểu: Gồm 4 nội dung
 - + Đọc bảng thông báo và chọn đáp án phù hợp
 - + Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống
 - + Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi
 - + Chọn từ điền vào chỗ trống

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

Tại các phòng học thực hành ngoại ngữ, giảng viên tổ chức cho sinh viên luyện kỹ năng nghe thông qua phần mềm multimedia để sinh viên luyện nghe tốt hơn. Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ - Biết - Vận dụng - Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Anh. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học tập:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] **Sách, giáo trình:** *Real life – Pre intermediate – Students’ book*, Sarah Cunning Ham, Peter Moor, Pearson Longman, 2010

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. *English Grammar in Use*, Raymond Murphy, Cambridge Press

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p>Unit 1: Your life</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ về gia đình và các mối quan hệ - Biết cách chia động từ ở thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. Reading and listening: Time Twin</p> <p>1.2. Grammar focus: The present simple and continuous</p> <p>1.3. Vocabulary and reading</p> <p>1.4. Grammar focus: Question and question words</p> <p>1.5. Reading and vocabulary</p> <p>1.6. Vocabulary and speaking: Family and relationship</p> <p>1.7. Realtime</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cách sử dụng thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập 1-8 tr. 10-11 phần BT tài liệu [1] - Liệt kê từ vựng về gia đình và các mối quan hệ trong gia đình.
2	<p>Unit 2: The greats</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các từ vựng chỉ tính cách của con 	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các từ vựng chỉ đặc điểm tính cách của con người. - Tìm hiểu và phân biệt thời

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>người</p> <p>- Sử dụng thành thạo thời quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, phân biệt giữa 2 thì.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Reading and vocabulary: Icon</p> <p>2.2. Grammar focus: Past simple</p> <p>2.3. Vocabulary and writing: Famous pair</p> <p>2.4. Grammar focus: Past simple and past continuous</p> <p>2.5. Reading and listening</p> <p>2.6. Vocabulary and speaking: Personal characteristics</p> <p>2.7. Active study 1</p>				<p>quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn tài liệu [2].</p> <p>- Hoàn thành BT trang 18-19 phần BT tài liệu [1].</p> <p>- Lập hội thoại hỏi về đặc điểm tính cách</p>
3	<p>Unit 3: Your style</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng dùng để miêu tả một địa điểm, phong cách của một cá nhân</p> <p>- Hiểu và sử dụng chính xác cấu trúc so sánh hơn và hơn nhất.</p> <p>- Hội thoại giới thiệu về địa điểm ưa thích</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Reading and vocabulary: Describing a place</p> <p>3.2. Grammar focus: Comparative and superlative</p> <p>3.3. Listening and speaking: My favourite</p>	4		[1] [2]	<p>- Liệt kê các từ vựng dùng để miêu tả một địa điểm.</p> <p>- Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc so sánh hơn và hơn nhất trong tài liệu [2].</p> <p>- Lập hội thoại hỏi đáp về các địa điểm ưa thích, các phong cách cá nhân.</p> <p>- Hoàn thành BT trang 26-27 phần BT tài liệu [1]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	place 3.4.Vocabulary and speaking: Describing personal style 3.5.Grammar focus: Too and enough 3.6.Vocabulary and speaking: Money spending 3.7.Reading and vocabulary 3.8.Realtime				
4	Unit 4: The goal Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về lĩnh vực giáo dục, việc làm, tính từ miêu tả công việc - Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc danh động từ và động từ nguyên thể - Hội thoại miêu tả 1 công việc Nội dung cụ thể: 4.1.Listening and vocabulary: Education 4.2.Grammar focus: Wishes and intentions 4.3.Vocabulary and listening: Getting a job 4.4.Grammar focus: Gerund and infinitives 4.5.Vocabulary and speaking: Describing a job 4.6.Reading and vocabulary 4.7.Active study 2	4		[1] [2]	- Tìm hiểu cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể tài liệu [2] - Liệt kê các danh từ, tính từ miêu tả nghề nghiệp. - Hoàn thành các bài tập trang 34-35 phần BT tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại hỏi và trả lời về nghề nghiệp.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
5	<p>Unit 5: Stay well Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về sức khỏe và lối sống lành mạnh, các từ vựng về đồ ăn và thức uống. - Hiểu và sử dụng đúng mạo từ, a/ an/ và the - Sử dụng thành thạo should/ shouldn't, must, musn't để đưa ra lời khuyên</p> <p>Nội dung cụ thể: 5.1.Vocabulary and Listening: healthy lifestyle. 5.2.Grammar focus: should/ shouldn't/ must/ musn't. 5.3.Vocabulary and speaking: food and drink 5.4.Grammar focus: A/ an/ the 5.5.Reading and speaking 5.6. Real time</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng về đồ ăn thức uống, lối sống và sức khỏe - Tìm hiểu cách sử dụng a/ an/ the phần tài liệu [2]. - Hoàn thành BT trang 42-43 phần BT tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading tài liệu [1].
6	<p>Unit 6: The rules Mục tiêu: - Biết cách sử dụng cấu trúc cho phép và yêu cầu ở thời hiện tại và quá khứ</p> <p>Nội dung cụ thể: 6.1.Reading and listening 6.2.Grammar focus: Obligation and permission in the present 6.3.Listening and speaking 6.4.Grammar focus: Obligation and permission</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc yêu cầu và cho phép trong tài liệu[2]. - Hoàn thành BT tr. 44-47 phần workbook tài liệu [1] - Hoàn thành các bài tập trong phần Activestudy tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
7	<p>Unit 6: The rules (cont) Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng liên quan tới pháp luật - Đọc hiểu đoạn văn về pháp luật và xã hội</p> <p>Nội dung cụ thể: 6.5. Reading and vocabulary: Society and law 6.6. Active study 3</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tra từ mới phần bài đọc trang 48 tài liệu [1]. - Hoàn thành BT 50-51 tài liệu [1] - Tìm hiểu về obligation and permission trong tài liệu [2] - Làm bài tập ôn tập trong sách workbook từ bài 1 đến bài 6 trang 100-111.
8	<p>Mid – term test</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 6 - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.
9	<p>Unit 7: Time out Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng liên quan tới chủ đề kì nghỉ. - Sử dụng thành thạo cấu trúc với động từ khuyết thiếu chỉ sự sắp xếp cho tương lai</p> <p>Nội dung cụ thể: 7.1. Vocabulary and reading: Holiday 7.2. Grammar focus: Future arrangement 7.3. Listening and vocabulary: Flying 7.4. Grammar focus: May, might, will</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tra từ điển phần bài đọc trang 55 tài liệu [1]. - Hoàn thành BT tr.55-57 phần tài liệu [1]. - Viết đoạn văn miêu tả một kì nghỉ của bạn.
10	<p>Unit 7: Time out (cont) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về kì nghỉ. - Đọc hiểu đoạn văn “sea full of fish” - Miêu tả được 1 kì nghỉ</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề kì nghỉ. - Hoàn thành BT trang 58 phần tài liệu [1] và workbook trang 115 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>của bản thân (thuyết trình)</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.5.Vocabulary and speaking: Describing a holiday</p> <p>7.6.Reading and vocabulary: Sea of fish</p> <p>7.7.Realtime</p>				<p>- Đọc và nhớ từ vựng trang 90 tài liệu [2]</p> <p>- Thuyết trình về kì nghỉ đáng nhớ của bạn.</p>
11	<p>Unit 8: Just do it</p> <p>- Trình bày các từ vựng chỉ các môn thể thao.</p> <p>- Đọc hiểu và nói về các môn thể thao yêu thích.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>8.1.Vocabulary and listening</p> <p>8.2.Grammar focus: Present perfect</p> <p>8.3.Vocabulary and writing</p> <p>8.4.Reading and vocabulary</p> <p>8.5.Active study</p>	4		[1] [2]	<p>- Tra từ mới phần bài đọc trang 61 tài liệu [1].</p> <p>- Tìm hiểu cách sử dụng thời hiện tại hoàn thành trong tài liệu [2]</p> <p>- Hoàn thành BT tr.123 phần workbook tài liệu [1].</p> <p>- Hoàn thành các bài tập phần Activestudy trang 67 tài liệu [1], phần workbook trang 114-115 tài liệu [1].</p>
12	<p>Unit 9: Cool tech</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng thuộc lĩnh vực công nghệ.</p> <p>- Hiểu và sử dụng thành thạo mệnh đề quan hệ, câu điều kiện</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>9.1.Vocabulary and listening</p> <p>9.2.Grammar focus: Relative clause</p> <p>9.3.Listening and speaking</p> <p>9.4.Grammar focus: First conditional</p>	4		[1] [2]	<p>- Liệt kê các từ vựng về chủ đề khoa học công nghệ</p> <p>- Tìm hiểu cách sử dụng mệnh đề quan hệ, câu điều kiện trong tài liệu [2].</p> <p>- Hoàn thành các bài tập trang 74 sách giáo trình và trang 116-117 phần workbook tài liệu [1].</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	9.5.Listening and speaking 9.6.Reading and vocabulary 9.7.Realtime				
13	<p>Unit 10: Out there Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng về thế giới tự nhiên - Sử dụng thành thạo cấu trúc used to để nói về thói quen trong quá khứ. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>10.1.Vocabulary and speaking: Natural world 10.2.Grammar focus: Used to 10.3.Listening and speaking: Climate refugees 10.4.Reading and vocabulary 10.5.Active study 5</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, tra từ điển bài đọc trang 77 tài liệu [1]. - Tìm hiểu cách sử dụng “used to” trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trang 82 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập phần workbook trang 118-119 tài liệu [1]
14	<p>Unit 11: Must see Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ văn học và chế tác phim - Hiểu và sử dụng đúng thể bị động với thời hiện tại đơn quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>11.1.Listening and vocabulary: Making film 11.2.Grammar focus:Passive voice 11.3.Reading and writing 11.4.Realtime</p>	4		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tìm hiểu về thể bị động, cấu trúc câu bị động ở thời hiện tại, hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn.[2]. - Liệt kê các từ vựng chỉ văn học và chế tác phim - Hoàn thành các bài tập trang 90-91 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập phần workbook trang 120-121 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
15	Unit 12: Stay safe Mục tiêu: - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Miêu tả 1 bức tranh. Nội dung cụ thể: 12.1.Vocabulary and speaking: Serious crime 12.2.Grammar focus: Conditional sentence: 2 nd conditional 12.3.Vocabulary and listening 12.4.Grammar focus: Reported speech 12.5 Listening and reading 12.6 Active study 6	4		[1] [2]	- Tra từ mới phần bài đọc trang 95 tài liệu [1]. - Tìm hiểu câu điều kiện loại 2 và lời nói gián tiếp trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trang 98-99 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập phần workbook trang 122-123 tài liệu [1]
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 12. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Chuyên